TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Trần Thục Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thị Tuyết

2- Ông Phạm Duy Bảo

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa : Bà Trần Thị Hồng Phương.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1
Trụ sở: 266 – B N, Phường H, Quận C, TP H
Người đại diện theo pháp luật:
Bà Nguyễn Đức Thạch D– Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền:
Ông Lê Hữu P- theo giấy ủy quyền số 08/2021/ UQ-CN Phú Nhuận ngày 11/01/2021.

Bị đơn: Bà Trần Vũ M, Sinh năm 1996
Nơi đăng ký cư ngụ: C1-16 Cao ốc Phúc Thịnh tại C C, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Hữu P trình bày :

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, bà Trần Vũ M (gọi tắt là bà M) có ký với Ngân hàng TMCP S1 (gọi tắt là Ngân hàng, hoặc S2) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao

gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VS payWare Ladies -First, 486265 - 1419 với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau một thời gian sử dụng dịch vụ của Ngân hàng. Ngày 10 tháng 01 năm 2020, bà M đã tiếp tục ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh P1, chi tiết như sau:

Số Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ (cho vay tiêu dùng không áp dụng biện pháp bảo đảm) số LD2001000723 ký ngày 10/01/2020: số tiền vay 46.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu đồng). Thời hạn vay: 12 tháng .Thời điểm trả hết nợ: ngày 10 tháng 01năm 2021.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đầu tiên đến tháng 11 năm 2020 bà M thường xuyên thanh toán trễ hạn và đến nay vẫn chưa thanh toán. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà M vẫn không có thiện chí trả nợ.

Vì vậy ngày 05 tháng 01 năm 2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ bà M còn thiếu đối với khoản vay hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ (cho vay tiêu dùng không áp dụng biện pháp bảo đảm) số LD2001000723 số tiền nợ là: 9.183.610 đồng chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất là 19.6%/năm; lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn mà bên vay không trả đúng bằng 150% nhân với lãi suất trong hạn (là 19.6%/năm); lãi suất trên số dư lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Đồng thời ngày 22 tháng 4 năm 2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ của bà M còn thiếu tại thời điểm này số tiền là: 14.016.318 đồng sang nợ quá hạn. và áp dụng lãi suất là 2,6%/tháng trên số tiền nợ quá hạn này nhân 150% của hợp đồng cho vay kiêm giấy vay nợ của thẻ tín dụng số 486265 – 1419 có dư nợ quá hạn: 14.016.318 đồng, lãi quá hạn 20.043.100 đồng.

Tổng của hai khoản nợ trên là: 58.195.235 đồng (*bằng chữ: Năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng).*

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc, yêu cầu bà M có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời S2 đã tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên bà M vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, S2 – Chi Nhánh P1 yêu cầu Tòa án:

Buộc bà Trần Vũ M phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26 tháng 4 năm 2024 các khoản sau:

Hợp đồng vay số LD2001000723: dư nợ quá hạn 9.183.610 đồng, lãi trong hạn 374.325 đồng, lãi quá hạn 14.450.690 đồng, lãi phạt chậm trả 127.192 đồng và thẻ tín dụng số 486265 – 1419 có dư nợ quá hạn: 14.016.318 đồng, lãi quá hạn 20.043.100 đồng.

Tổng của hai khoản nợ trên là: 58.195.235 đồng (*bằng chữ: Năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng).*

Và bà M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27 tháng 4 năm 2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng. Trả ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên bà Trần Vũ M không đến Tòa án làm việc, vì vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

Sau khi xem xét tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày đề nghị bị đơn thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 26 tháng 4 năm 2024 của hai khoản nợ hợp đồng vay số LD2001000723: có dư nợ quá hạn 9.183.610 đồng, lãi trong hạn 374.325 đồng, lãi quá hạn 14.450.690 đồng, lãi phạt chậm trả 127.192 đồng và thẻ tín dụng số 486265 – 1419 là có dư nợ quá hạn: 14.016.318 đồng, lãi quá hạn 20.043.100 đồng). Tổng cộng là: 58.195.235 đồng (*bằng chữ: Năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng).*

Trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, cùng tiền lãi chậm trả phát sinh cho đến khi bà M trả dứt nợ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không rõ ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu :

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án : Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 5; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 70; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 05/2012 /NQ-HĐTP ngày 03/12/2012;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 ;

Đề nghị :

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Trần Vũ M phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền nợ tạm tính đến ngày 26 tháng 4 năm 2024 của hai khoản nợ đối với hợp đồng vay số LD2001000723 ngày 10 tháng 01 năm 2020 dư nợ quá hạn 9.183.610 đồng, lãi trong hạn 374.325 đồng, lãi quá hạn 14.450.690 đồng, lãi phạt chậm trả 127.192 đồng và thẻ tín dụng số 486265 – 1419 ngày 11 tháng 04 năm 2019 có dư nợ quá hạn: 14.016.318 đồng, lãi quá hạn 20.043.100 đồng. Tổng cộng là: 58.195.235 đồng (*bằng chữ: Năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng),* ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng nêu trên.

Án phí dân sự sơ thẩm do bị đơn chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và xét xử vắng mặt bị đơn đối với vụ án :

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc : " Tranh chấp hợp đồng tín dụng " giữa tổ chức và cá nhận có các hợp đồng tín dụng số LD2001000723 ngày 10 tháng 01 năm 2020 và 486265 - 1419 ngày 11 tháng 4 năm 2019.

Theo xác minh của Công an P2, Quận E được biết bị đơn bà Trần Vũ M không có đăng ký thường trú tại C Cao ốc P tại C C, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên theo xác nhận của ban Q, C C, Phường A, Quận E ngày 05 tháng 4 năm 2019 và trong hai hợp đồng cho vay đã thể hiện bà M đã tạm trú C C, Phường A, Quận E tại thời điểm ký kết hợp đồng, cũng như trong đơn trình bày của đại diện Ngân hàng ngày 01 tháng 3 năm 2024 nguyên đơn không biết địa chỉ nào khác của bị đơn ngoài địa chỉ bà M ghi trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, theo quy định tại khoản 3, Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án nhân dân Quận 5 đã tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhằm bảo vệ quyền lợi của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng bà M vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 05/2012 /NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 yêu cầu bà Trần Vũ M phải thanh toán hai khoản nợ tạm tính đến ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với hợp đồng vay số LD2001000723: dư nợ quá hạn 9.183.610 đồng, lãi trong hạn 374.325 đồng, lãi quá hạn 14.450.690 đồng, lãi phạt chậm trả 127.192 đồng và thẻ tín dụng số 486265 – 1419 có dư nợ quá hạn: 14.016.318 đồng, lãi quá hạn 20.043.100 đồng). Tổng cộng là: 58.195.235 đồng (*bằng chữ: Năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng),* được thể hiện ở các tài liệu trong quá trình thực hiện hai hợp đồng tín dụng trên, bà M đã vi phạm các thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng, như vậy bà M là bên vi phạm không trả lãi và nợ gốc đúng hạn quy định trong hợp đồng nên việc Ngân hàng yêu cầu bà M thanh tóan số nợ gốc và lãi còn thiếu là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về trả lãi và thời hạn thanh toán:

Tại khoản 27, Điều 1, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tính dụng của nguyên đơn quy định: "Lãi suất: lãi là lãi suất cho vay mà Sacombak áp dụng đối với các khoản vay thông qua phát hành thẻ, bao gồm lãi suất trong hạn, và lãi suất quá hạn. Lãi suất trong hạn là lãi suất được tính theo biểu phí lãi suất được tính theo biểu phí lãi suất do S2 công bố theo từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn"

Nguyên đơn áp dụng lãi suất là 19.6%/năm; lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn mà bên vay không trả đúng bằng 150% nhân với lãi suất trong hạn (là

19.6%/năm); lãi suất trên số dư lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả của hợp đồng vay số LD2001000723 có nợ quá hạn 9.183.610 đồng, lãi trong hạn 374.325 đồng, lãi quá hạn 14.450.690 đồng, lãi phạt chậm trả 127.192 đồng và ngày 22 tháng 4 năm 2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của bà còn thiếu của thẻ tín dụng số 486265 – 1419 là: 14.016.318 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất là 2,6%/tháng trên số tiền nợ quá hạn này nhân 150%. - là phù hợp với Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tính dụng.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và các thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí của S tại các thời kỳ xác định bị đơn trong quá trình vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn. Vì vậy việc S yêu cầu bà M phải trả tiền nợ và lãi của hai khoản vay đối với hợp đồng vay số LD2001000723 có dư nợ quá hạn 9.183.610 đồng, lãi trong hạn 374.325 đồng, lãi quá hạn 14.450.690 đồng, lãi phạt chậm trả 127.192 đồng và thẻ tín dụng số 486265 – 1419 có dư nợ quá hạn: 14.016.318 đồng, lãi quá hạn 20.043.100 đồng. Tổng cộng là: 58.195.235 đồng (*bằng chữ: Năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng)* tạm tính đến ngày 26 tháng 4 năm 2024 là có cơ sở.

Do bà Trần Vũ M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán do vậy Ngân hàng yêu cầu bà M thanh tóan số tiền nợ còn thiếu và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất chậm thanh toán ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực là phù hợp theo quy định của pháp luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 đề nghị Hội đồng xét xử xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí : Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 147, 177, 227, điểm b khoản 2 Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 296, 476, Điều 302, Điều 305, 422, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005

- Căn cứ các Điều 280, 351, 468 Bộ luật dân sự 2015 ;

- Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2011;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 ;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán tối cao quy định về thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV QH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

2. Buộc bà Trần Vũ M phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 26 tháng 4 năm 2024 của hai khoản vay đối với hợp đồng vay số LD2001000723 ngày 10 tháng 01 năm 2020 dư nợ quá hạn 9.183.610 đồng, lãi trong hạn 374.325 đồng, lãi quá hạn 14.450.690 đồng, lãi phạt chậm trả 127.192 đồng và thẻ tín dụng số 486265 – 1419 ngày 11 tháng 04 năm 2019 có dư nợ quá hạn: 14.016.318 đồng, lãi quá hạn 20.043.100 đồng. Tổng cộng là: 58.195.235 đồng (*bằng chữ: Năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng).*

3. Ngoài ra bà M còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng nêu trên, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1.

Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí : Án phí dân sự sơ thẩm là 2.909.762 đồng (Hai triệu chín trăm lẻ chín nghìn, bảy trăm sáu mươi hai đồng) do bà Trần Vũ M chịu. H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 567.994 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0036343 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND Quận 5;
- TAND TP. HCM;
- THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP

Huỳnh Trần Thục Oanh